

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 241/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Q; sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú: thôn Xuân Thụ, xã C, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N; sinh năm 1983; Hộ khẩu thường trú: thôn R, xã C, huyện K, thành phố Hà Nội; Tạm trú: số 2402 V 2 E, Khu đô thị W, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về việc nuôi con: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị N có 02 con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 14/02/2008 và Nguyễn Tuệ H sinh ngày 20/02/2012. Khi ly hôn, anh Q được quyền nuôi con chung là Nguyễn Tuệ H, chị N được quyền nuôi con chung là Nguyễn Đức B, anh Q cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho chị N là 10.000.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung thành niên hoặc khi có yêu cầu mới còn chị N không phải cấp

dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cho anh Q cho đến khi con chung thành niên hoặc khi có yêu cầu mới.

Không ai được quyền ngăn cản việc gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2 Về tài sản chung vợ chồng: Anh Nguyễn Xuân Q và chị Nguyễn Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về án phí:

Anh Nguyễn Xuân Q tự nguyện chịu cả án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2010/0005328 ngày 03/7/2020.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS huyện K
- THADS huyện K
- UBND xã C,
- (Số ĐKKH 57/2006)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

Bùi Quang Trung